

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỜ ĐỎ
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 36/2019/HSST

Ngày 25 - 9 - 2019

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quốc Kiệt.
- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thơm;

2. Ông Lương Hùng Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Giai Thoại, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ tham gia phiên tòa: Bà Mạc Thị Thu – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 25 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 34/2019/HSST ngày 13 - 8 - 2019, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2019/QĐXXST - HS ngày 09 - 9 - 2019 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị P, sinh năm: 1980, tại xã H, huyện Đ, TP. Cần Thơ.

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp P 2, xã H, huyện Đ, thành phố Cần Thơ.

Chỗ ở: Như trên.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Hòa Hảo; Trình độ học vấn: 01/12; Nghề nghiệp: Làm Thuê.

Con ông Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1945 (chết) và Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1953 (sống).

Anh, chị, em có 6 người, lớn nhất sinh năm 1970, nhỏ nhất sinh năm 1989.

Chồng: Võ Văn N – Sinh năm: 1978 (đã ly hôn).

Con có 02 người, lớn sinh năm 1998, nhỏ sinh năm 2003.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị giữ khẩn cấp, bị bắt khẩn cấp, tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/4/2019, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Cờ Đỏ.

(Có mặt tại phiên tòa).

2. Nguyễn Thị Thanh T (Th), sinh năm: 1972, tại xã P, huyện Đ, TP. Cần Thơ.

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp X, xã P, huyện Đ, thành phố Cần Thơ.

Chỗ ở: Như trên.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Hòa Hảo; Trình độ học vấn: 03/12; Nghề nghiệp: Làm Thuê.

Con ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1929 (chết) và Nguyễn Thị H, sinh năm 1940 (Tại phiên tòa bị cáo khai chết vào tháng 6/2019).

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận anh, chị, em có 8 người, lớn nhất sinh năm 1954, nhỏ nhất sinh năm 1982.

Chồng: La Hoàng D – Sinh năm: 1970 (đã ly hôn).

Con có 03 người, lớn sinh năm 1993, nhỏ sinh năm 1999.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị can bị giữ khẩn cấp, bị bắt khẩn cấp, tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/4/2019, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Cờ Đỏ.

(Có mặt tại phiên tòa).

Bị hại: Chị Lê Thị D, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Ấp P 1, xã H, huyện Đ, TP. Cần Thơ.

(Có mặt tại phiên tòa).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Anh La Hoàng D, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện T, TP. Cần Thơ.

(Có mặt tại phiên tòa).

- Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1989

Địa chỉ: Ấp P, xã H, huyện Đ, TP. Cần Thơ.

(Có mặt tại phiên tòa).

- Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1953.

Địa chỉ: Ấp P 2, xã H, huyện Đ, TP. Cần Thơ.

(Có mặt tại phiên tòa).

Người làm chứng:

- Anh Cao Văn T, sinh năm 1974

Địa chỉ: Ấp X, xã P, huyện Đ, TP. Cần Thơ.

(Có mặt tại phiên tòa).

- Bà Đinh Thị O, sinh năm 1965

Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện Đ, TP. Cần Thơ.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

- Anh Lê Văn N, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Kv L 1, phường T, quận N, TP. Cần Thơ.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

- Chị Trương Thị L, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện Đ, TP. Cần Thơ.

(Có mặt tại phiên tòa).

- Chị La Triệu N, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Kv L, phường N, quận N, TP. Cần Thơ.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

- Bà Nguyễn Thị Tuyết H, sinh năm 1969

Địa chỉ: Kv L 1, phường N, quận N, TP. Cần Thơ.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

- Chị Lê Thị Tuyết H, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện Đ, TP. Cần Thơ.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

- Ông Nguyễn Thành V, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Kv T A, phường N, quận N, TP. Cần Thơ.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bản cáo trạng số 34/CT-VKSCĐ ngày 13/8/2019, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ truy tố các bị cáo Nguyễn Thị P, Nguyễn Thị Thanh T về tội “*Cướp tài sản*” theo điểm a, d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật hình sự:

Nguyễn Văn B và Nguyễn Thị P có quan hệ tình cảm với nhau, vào ngày 18/4/2019 B đến nhà P nói mới quen Lê Thị D, D có đeo vàng nên B bàn bạc với Phụng dựng cảnh đánh ghen cướp vàng của D để B bán lấy tiền trả nợ, B kêu P rủ thêm Nguyễn Thị Thanh T đi cùng, đến sáng ngày 19/4/2019 B điện thoại cho Phụng biết B và D sẽ đến thuê phòng tại nhà trọ B tại ấp P 2, xã T, huyện Đ, thành phố Cần Thơ, B kêu P cùng với T đến nhà trọ thuê phòng trước chờ, khi nào B đến nhà trọ sẽ điện thoại cho P biết số phòng B và D thuê. Sau khi bàn bạc với P xong B điện thoại cho D để hẹn D đi nhà trọ. Đến khoảng 9 giờ ngày 19/4/2019 P điện thoại cho T rủ T đi đánh ghen B và hẹn gặp tại quán cà phê T tại khu vực T 2, phường K, quận N, thành phố Cần Thơ, đến khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày P và T gặp nhau tại quán T, Tâm gửi xe tại quán, P điều khiển xe mô tô 65K1 – 11.084 chở T đến nhà trọ Ngọc B, trên đường đi P và T ghé vào cửa hàng tạp hoá mua 01 lưỡi lam màu trắng có chữ BIC. Khi đến nhà trọ P và T vào thuê phòng số 2, vào phòng P kêu T đóng giả làm vợ của B để đánh ghen lấy vàng của D thì T đồng ý. Đến khoảng 12 giờ B kêu D chạy xe ra chợ Trung An gửi, sau đó B đến chở D vào nhà trọ B thuê phòng số 5, B ra quầy tiếp tân mua 02 chai nước khi vào phòng B không khoá cửa mà chỉ khép lại, sau đó B điện thoại cho P và ra tín hiệu cho P biết B và D đang ở phòng số 5, thì P và T đi qua phòng số 5, trên đường đi T lấy theo 01 cây chổi bông cỏ có cán bằng nhựa màu xanh và T đeo khẩu trang, khi đến phòng của B, P đẩy cửa cùng T đi vào, lúc này D không mặc

quần áo nên T lấy điện thoại ra chụp hình D, còn P dùng tay đánh vào người của D, trong lúc giằng co với D để tháo vàng thì P lấy lưỡi lam ra đưa cho T, do D kháng cự nên P tháo vàng của D không được nên T cầm lưỡi lam đe dọa kêu D nằm yên nếu không sẽ rạch mặt D, lúc này T cùng P tháo lấy 01 chiếc lắc đeo tay bằng kim loại màu vàng và 09 chiếc vòng đeo tay bằng kim loại màu vàng, P tiếp tục lấy điện thoại di động OPPO 3S, màu đen tím của D, tất cả số tài sản trên P đưa cho T bỏ vào túi xách của T và cả hai ra về. Trên đường về T giao lại tài sản cướp được cho P giữ và cả hai đến quán T, còn B chở D đến chợ Trung An để D lấy xe về, sau đó B điện thoại cho P và đến quán T. Khi đến quán B kêu P đưa điện thoại của D cho B giữ, sau đó B chở P đến tiệm vàng Q và tiệm vàng S tại khu vực A, phường N, quận N, thành phố Cần Thơ kiểm tra vàng và cân trọng lượng vàng mới cướp được, sau đó P đem số vàng cướp được giấu tại nhà mẹ ruột là bà Nguyễn Thị Đ, còn B đem điện thoại của D giấu phía sau nhà của B. Sau khi về Lê Thị D đến Công an xã Trung Thạnh trình báo. P sợ T sẽ trình báo công an nên điện thoại cho B nói T không muốn liên quan, B nói sẽ kêu Trương Thị L là vợ của B nhận thay T đi đánh ghen cùng với P, sau đó B nói với L khi Công an có mời làm việc thì khai có đi đánh ghen cùng với P thì L đồng ý. Đến khi công an mời ghi lời khai, ban đầu L khai đã đi đánh ghen cùng với P, tuy nhiên sau khi biết P, T dựng cảnh đánh ghen cướp tài sản của D, L đã khai thật do B kêu nhận thay cho T. Riêng P khi ghi lời khai P đã thừa nhận hành vi cùng T, B dựng cảnh đánh ghen để cướp tài sản của D.

Qua khám nghiệm hiện trường thu giữ 01 lưỡi lam màu trắng có chữ Bic (Bút 79).

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cờ Đỏ tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của bà Nguyễn Thị Đ ở nhà không số thuộc ấp P2, xã H, huyện Đ, thu giữ: 01 bọc ni lon màu đen bên trong có 9 chiếc vòng đeo tay bằng kim loại màu vàng, 01 chiếc lắc đeo tay bằng kim loại màu vàng (Bút lục 62, 63).

Khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Văn B ở số nhà 92 thuộc ấp T, xã H, huyện Đ, thu giữ 01 điện thoại OPPO 3S màu đen tím cùng sim số 0912835631, 0584898304.

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cờ Đỏ thu giữ của anh Lê Văn N 01 cây chổi bông cỏ, cán chổi làm bằng nhựa màu xanh dài 70 cm, thu của Nguyễn Thị P 01 điện thoại di động OPPO A3S màu xanh tím cùng sim số 0932977342 và 01 chìa khoá xe mô tô 65K1 – 11.084; thu của Nguyễn Thị Thanh T 01 điện thoại Nokia 215 màu trắng đen cùng sim số 0375110863, 0775880429, thu của Nguyễn Văn B 01 điện thoại Vivo màu vàng đồng cùng sim số 0363313450.

Ngày 04/5/2019 Lê Thị D giao nộp 02 túi giấy dùng để đựng nữ trang của tiệm vàng C (Bút lục 98).

Ngày 09/5/2019 Nguyễn Thị C là em ruột của Nguyễn Thị P giao nộp 01 xe mô tô biển kiểm soát 65K1 – 11084 cùng giấy đăng ký xe.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 03/KL.HĐ-ĐG ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự của Ủy ban nhân dân huyện Cờ Đỏ kết luận: 09 chiếc vòng đeo tay bằng vàng 16K, tổng trọng lượng 01 lượng 04 chỉ 03 phân có giá trị 33.647.900 đồng; 01 chiếc lắc đeo tay bằng vàng 16K, trọng lượng 04 chỉ 08 phân 09 ly có giá trị 11.506.170 đồng; 01 điện thoại di động hiệu OPPO 3S, màu đen tím trị giá 2.000.000 đồng. Tổng cộng 47.154.070 đồng (Bút lục 91).

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã giải quyết trả lại cho Lê Thị D 01 điện thoại di động OPPO 3S, 09 chiếc vòng đeo tay, 01 chiếc lắc đeo tay (Bút lục 244). Lê Thị D yêu cầu Nguyễn Thị P và Nguyễn Thị Thanh T bồi thường 10.000.000 đồng, do mất 01 chiếc vòng, tiền công sửa chiếc lắc và 9 chiếc vòng. Đại diện gia đình của P và T đã bồi thường xong.

Đối với 02 bao giấy đựng nữ trang của tiệm vàng C lưu hồ sơ vụ án, các vật chứng còn lại hiện đang tạm giữ chờ xử lý.

Nguyễn Văn B đã chết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cờ Đỏ không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Bận. (Bút lục 239).

Tại phiên tòa:

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, xin lỗi bị hại và xin được xem xét giảm nhẹ hình phạt. Các bị cáo không có tác động đến gia đình để bồi thường cho bị hại, nhưng gia đình các bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền 10.000.000 đồng.

Bị hại Lê Thị D trình bày: Gia đình các bị cáo đã bồi thường cho chị số tiền 10.000.000 đồng, chị D đã nhận xong, không có yêu cầu thêm. Đồng thời có ý kiến xin giảm hình phạt cho bị cáo P.

Anh La Hoàng D trình bày: Anh D đã tự nguyện thay mặt bị cáo T bồi thường cho bị hại số tiền 5.000.000 đồng, anh D không yêu cầu bị cáo T trả lại số tiền 5.000.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Đ trình bày: bà đã nhờ con là chị Nguyễn Thị C thay mặt bị cáo P bồi thường cho bị hại số tiền 5.000.000 đồng, bà Đ không yêu cầu bị cáo P trả lại số tiền 5.000.000 đồng và xin nhận lại chiếc xe mô tô biển số 65K1-11.084 vì chiếc xe này bà cho tiền bị cáo P để mua xe, xe do bị cáo P đứng tên, khi nào bà cần thì P chở bà đi khám bệnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ phân tích lời khai của các bị cáo, lời khai của của bị hại, của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau; phù hợp với các chứng cứ đã được thu thập, có đủ cơ sở xác định các bị cáo Nguyễn Thị P, Nguyễn Thị Thanh T về tội “*Cướp tài sản*” theo điểm a, d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật hình sự, nên vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng đã nêu. Sau khi phân tích các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 168; Điều 17; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Bộ luật hình sự xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Thị P từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù, thời hạn phạt tù tính từ ngày 20/4/2019.

Bị cáo Nguyễn Thị Thanh T từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù, thời hạn phạt tù tính từ ngày 20/4/2019.

Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Lê Thị D yêu cầu Nguyễn Thị P và Nguyễn Thị Thanh T bồi thường 10.000.000 đồng, do mất 01 chiếc vòng, tiền công sửa chiếc lắc và 9 chiếc vòng. Đại diện gia đình của P và T đã bồi thường xong, chị D không có yêu cầu gì thêm, nên không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 luật tố tụng hình sự, đề nghị:

- Đề nghị ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra đã giải quyết trả lại cho Lê Thị D 01 điện thoại di động OPPO 3S, 09 chiếc vòng đeo tay, 01 chiếc lắc đeo tay.

- Tịch thu sung vào công quỹ nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu VIVO 1801, màu vàng đồng, số IMEI 1: 868993038096274, số IMEI 2: 898993038096266, có gắn sim số: 0363134550, đã qua sử dụng; 01 điện thoại OPPO 03S, màu xanh tím, số phiên bản: CP H1803EX-11-A15, số IMEI 1: 868125042312559, đã qua sử dụng, có gắn sim số thuê bao 0932977342; 01 điện thoại Nokia 215 màu trắng – đen số seri 35858306549318 gắn 02 sim 0375.110863; 0775880429 đã qua sử dụng; 01 xe mô tô YAHAMA biển số kiểm soát 65K1-11.084, số máy: 1DB1195447, số khung: DB10DY195434, chiếc chìa khóa xe mô tô bằng kim loại có bọc nhựa màu đen, bên trên có chữ “N”, có gắn 01 móc bằng kim loại màu trắng và 01 cái hồ lô bằng gỗ được gắn vào móc khóa bằng sợi dây màu vàng cùng 01 giấy đăng ký mô tô xe máy số 011387, biển số 65K1-11.084 do Nguyễn Thị P đứng tên.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 cái lưới lam hiệu Bic, được niêm phong theo biên bản niêm phong lúc 10 giờ 00 phút ngày 20/4/2019; 01 cây chổi bông cỏ gồm 02 phần cán chổi và đầu chổi làm bằng nhựa màu xanh, dài khoảng 70 cm tiết diện tròn, phần đầu chổi bằng bông cỏ màu vàng hình quạt kích thước 20/25 cm; 01 bọc nylon màu đen loại 02 quai.

Sau khi thẩm tra các chứng cứ có trọng hồ sơ, nghe lời khai của bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng, ý kiến của Kiểm sát viên, tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, cơ quan truy tố, hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đảm bảo theo quy định của pháp luật.

[2] Về trách nhiệm hình sự: Do có mối quan hệ tình cảm với nhau, nên Nguyễn Văn B, đến nhà Nguyễn Thị P nói mới quen Lê Thị D, D có đeo vàng nên B bàn bạc với P dựng cảnh đánh ghen cướp vàng của D để B bán lấy tiền trả nợ, P đồng ý và rủ thêm Nguyễn Thị Thanh T đi cùng. Sau khi bàn bạc và lên kế hoạch, giữa B và P có thỏa thuận về việc ra ám hiệu B ở phòng nào thì P và T biết để đánh ghen. Khi P và T đến phòng số 05 của nhà trọ B là phòng của B và D, thì lúc này D không mặc quần áo nên T lấy điện thoại ra chụp hình D, còn P dùng tay đánh vào người của D, T dùng lưới lam do P chuẩn bị sẵn đe dọa chị D, T cùng P tháo lấy 01 chiếc lắc đeo tay bằng kim loại màu vàng và 09 chiếc vòng đeo tay bằng kim loại màu vàng, P tiếp tục lấy điện thoại di động OPPO 3S, màu đen tím của D, tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 47.154.070 đồng. Giữa B và bị cáo P đã có sự bàn bạc, lên kế hoạch tổ chức và dựng cảnh đánh ghen cướp tài sản của chị D, bị cáo T ban đầu chỉ được P cho biết đi đánh ghen chị D, nhưng sau này khi đến phòng số 02 nhà trọ Ngọc B, P có cho bị cáo T biết rõ việc đánh ghen và cướp vàng của chị D thì bị cáo

T đồng ý cùng P thực hiện hành vi phạm tội. Các bị cáo đã dùng vũ lực và đe dọa dùng vũ lực với việc đánh chị D và dùng lưỡi lam dọa rạch mặt chị D để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của chị D. Với việc dùng lưỡi lam để đe dọa chị D nhằm chiếm đoạt tài sản thì theo quy định căn cứ vào hướng dẫn tại tiểu mục 2.2 phần 01 Nghị quyết 02/2003/NQ-HĐTP ngày 17/4/2003 và mục 3.1 Nghị quyết 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xác định đây là hung khí nguy hiểm. Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị P và Nguyễn Thị Thanh T là nguy hiểm cho xã hội, thực hiện với lỗi cố ý, trực tiếp xâm phạm đến quyền nhân thân và quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây tâm lý hoang mang, lo sợ của nhân dân, ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự nói chung và địa bàn huyện Cờ Đỏ nói riêng. Do đó, hành vi của các bị cáo P và T đã cấu thành tội “*Cướp tài sản*” tội phạm và hình phạt quy định tại điểm a, d khoản 2 Điều 186 của Bộ luật hình sự. Nên, Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ đối với bị cáo là có căn cứ.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo tỏ ra ăn năn, hối cải, thành khẩn khai báo, có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự, trình độ học vấn thấp, mặc dù các bị cáo không có sự tác động đến gia đình để bồi thường, nhưng gia đình đã bồi thường thay cho các bị cáo theo yêu cầu của bị hại với số tiền 10.000.000 đồng, bị hại D có ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Ph. Nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Nguyễn Văn B hiện nay đã chết, nên Cơ quan điều tra không khởi tố đối với Bận là phù hợp; Đối với Nguyễn Thị P có vai trò là người cầm đầu vì đã bàn bạc, lên kế hoạch thống nhất về ám hiệu để tổ chức đánh ghen để cướp tài sản của chị D, đối với Nguyễn Thị Thanh T ban đầu chỉ được P rủ đi đánh ghen nên đồng ý tham gia cùng với P, nhưng khi tham gia thì T được P cho biết là đánh ghen để cướp vàng và T đã đồng ý và có sự giúp sức tích cực cho P vào việc cướp tài sản của bị hại, nên bị cáo T có vai trò đồng phạm giúp sức tích cực trong vụ án. Hành vi của các bị cáo là đồng phạm có tổ chức. Do đó, Hội đồng xét xử cần thiết phải cụ thể hóa hành vi và cá thể hóa hình phạt đối với từng bị cáo, nên khi quyết định hình phạt thì bị cáo Nguyễn Thị P phải có mức án cao hơn bị cáo Nguyễn Thị Thanh T và cần thiết phải tuyên một mức án nghiêm khắc tương ứng với hành vi của từng bị

cáo và cần thiết cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Xét các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, nên miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Đối với chị Trương Thị L không biết việc Nguyễn Thị P cùng với Nguyễn Văn B, Nguyễn Thị Thanh T cướp tài sản của chị Lê Thị D nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cờ Đỏ không xử lý đối với bà L là phù hợp.

Đối với bà Nguyễn Thị Đ, bà Đ không biết Nguyễn Thị P giấu số vàng cướp được tại nhà bà Đ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cờ Đỏ không xử lý đối với bà Đ là phù hợp.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Gia đình các bị cáo đã thỏa thuận bồi thường xong cho bị hại số tiền 10.000.000 đồng, bị hại không có yêu cầu bồi thường thêm, nên không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 luật tố tụng hình sự.

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã giải quyết trả lại cho Lê Thị D 01 điện thoại di động OPPO 3S, 09 chiếc vòng đeo tay, 01 chiếc lắc đeo tay (theo Quyết định xử lý vật chứng số 15 ngày 23/7/2019), bị hại D đã nhận lại xong, không có yêu cầu gì khác nên ghi nhận.

Đối với các vật chứng thu giữ còn lại:

- 01 điện thoại di động hiệu VIVO 1801, màu vàng đồng, số IMEI 1: 868993038096274, số IMEI 2: 898993038096266, có gắn sim số: 0363134550, đã qua sử dụng là điện thoại của Nguyễn Văn B dùng để liên lạc với Nguyễn Thị P để bàn bạc việc thực hiện hành vi phạm tội, nên tịch thu sung vào công quỹ nhà nước.

- 01 điện thoại OPPO 03S, màu xanh tím, số phiên bản: CP H1803EX-11-A15, số IMEI 1: 868125042312559, đã qua sử dụng, có gắn sim số thuê bao 0932977342 là điện thoại của bị cáo P dùng để liên lạc với Nguyễn Văn B để bàn bạc việc thực hiện hành vi phạm tội, nên tịch thu sung vào công quỹ nhà nước.

- 01 điện thoại Nokia 215 màu trắng – đen số seri 35858306549318 gắn 02 sim 0375.110863; 0775880429 đã qua sử dụng là điện thoại của bị cáo Tâm dùng để liên lạc với bị cáo P để đi đánh ghen Lê Thị D, nên tịch thu sung vào công quỹ nhà nước.

- Đối với xe mô tô YAHAMA biển số kiểm soát 65K1-11.084, số máy: 1DB1195447, số khung: DB10DY195434, chiếc chìa khóa xe mô tô bằng kim loại có bọc nhựa màu đen, bên trên có chữ “N”, có gắn 01 móc bằng kim loại màu trắng và 01 cái hồ lô bằng gỗ được gắn vào móc khóa bằng sợi dây màu vàng cùng 01 giấy đăng ký mô tô xe máy số 011387, biển số 65K1-11.084 do Nguyễn Thị P đứng tên. Các vật chứng này thuộc sở hữu của bị cáo P có liên quan đến việc phạm tội của bị cáo nên tịch thu sung vào công quỹ nhà nước.

- 01 cái lưỡi lam hiệu Bic, được niêm phong theo biên bản niêm phong lúc 10 giờ 00 phút ngày 20/4/2019 là hung khí bị cáo T đe dọa bị hại; 01 cây chổi bông cỏ gồm 02 phần cán chổi và đầu chổi làm bằng nhựa màu xanh, dài khoảng 70 cm tiết diện tròn, phần đầu chổi bằng bông cỏ màu vàng hình quạt kích thước 20/25 cm; 01 bọc nilon màu đen loại 02 quai là vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo và không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 18/8/2019).

Đối với 02 bao giấy đựng nữ trang của tiệm vàng C được tịch thu lưu hồ sơ vụ án (Bút lục số 98a – 98b).

[6] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2006 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố:

Các bị cáo Nguyễn Thị P, Nguyễn Thị Thanh T (Th) phạm tội “*Cướp tài sản*”.

Áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 168; Điều 17; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Thị P 08 năm tù.

Thời hạn phạt tù được tính từ ngày 20/4/2019 .

Bị cáo Nguyễn Thị Thanh T (Thanh) 07 năm 06 tháng tù.

Thời hạn phạt tù được tính từ ngày 20/4/2019.

Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 luật tố tụng hình sự.

Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra đã giải quyết trả lại cho Lê Thị D 01 điện thoại di động OPPO 3S, 09 chiếc vòng đeo tay, 01 chiếc lắc đeo tay (theo Quyết định xử lý vật chứng số 15 ngày 23/7/2019).

Đối với các vật chứng bị thu giữ còn lại:

- Tịch thu sung vào công quỹ nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu VIVO 1801, màu vàng đồng, số IMEI 1: 868993038096274, số IMEI 2: 898993038096266, có gắn sim số: 0363134550, đã qua sử dụng; 01 điện thoại OPPO 03S, màu xanh tím, số phiên bản: CP H1803EX-11-A15, số IMEI 1: 868125042312559, đã qua sử dụng, có gắn sim số thuê bao 0932977342; 01 điện thoại Nokia 215 màu trắng – đen số seri 35858306549318 gắn 02 sim 0375.110863; 0775880429 đã qua sử dụng; 01 xe mô tô YAHAMA biển số kiểm soát 65K1-11.084, số máy: 1DB1195447, số khung: DB10DY195434 loại Novou màu xanh trắng; chiếc chìa khóa xe mô tô bằng kim loại có bọc nhựa màu đen, bên trên có chữ “N”, có gắn 01 móc bằng kim loại màu trắng và 01 cái hồ lô bằng gỗ được gắn vào móc khóa bằng sợi dây màu vàng cùng 01 giấy đăng ký mô tô xe máy số 011387, biển số 65K1-11.084 do Nguyễn Thị P đứng tên.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 cái lưỡi lam hiệu Bic, được niêm phong theo biên bản niêm phong lúc 10 giờ 00 phút ngày 20/4/2019; 01 cây chổi bông cỏ gồm 02 phần cán chổi và đầu chổi làm bằng nhựa màu xanh, dài khoảng 70 cm tiết diện tròn, phần đầu chổi bằng bông cỏ màu vàng hình quạt kích thước 20/25 cm; 01 bọc nylon màu đen loại 02 quai.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 18/8/2019).

Tịch thu lưu vào hồ sơ vụ án 02 bao giấy đựng nữ trang của tiệm vàng C (Bút lục số 98a – 98b).

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2006 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án buộc mỗi bị cáo chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm

Về quyền kháng cáo: Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Tòa án ND TP. Cần Thơ;
- VKSND TP. Cần Thơ;
- VKSND Huyện Cờ Đỏ;
- Công an huyện Cờ Đỏ;
- THADS huyện Cờ Đỏ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Quốc Kiệt